TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **59/**2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2021
"V/v: Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Nguyễn Sơn Hải.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phùng Văn Q, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

(Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/02/2014. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng bình thường sau đó đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, thường bất đồng quan

điểm, năm 2018 chị H. bỏ nhà đi làm ăn xa, không báo gia đình và chính quyền, vợ chồng sống ly thân từ đó. Tháng 5/2021 anh Phùng Văn Q. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phùng Văn Q. trình bầy: Quá trình chung sống vợ chồng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, có cãi chửi nhau, có được gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.

Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Phùng Gia K, sinh ngày 10/9/2014 hiện đang ở cùng anh Q. và ông bà nội ở tại Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Q. có quan điểm khi ly hôn đề nghị giao cho anh được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Tại biên bản ghi lời khai cháu Phùng Gia K. thể hiện nguyện vọng của cháu là được ở với bố.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Phùng Văn Q. xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Lê Thị Mỹ H. có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lê Thị Mỹ H. và anh Phùng Văn Q. kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương chưa được hòa giải. Năm 2016 chị H. đi làm ăn xa không báo chính quyền, thi thoảng về nhà thăm con thời gian ngắn xong lại đi, hiện tại chị H. không có mặt ở địa phương.

Chị Lê Thị Mỹ H. đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được chị H. đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. kết hôn vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện S là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho anh Phùng Văn Q. được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.; về con chung: Đề nghị giải quyết giao cháu Phùng Gia K, sinh ngày 10/9/2014 cho anh Phùng Văn Q. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Phùng Văn Q. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H. và giao nuôi con chung khi ly hôn, không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là *"Ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn"*, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn chị Lê Thị Mỹ H. có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang hiện chị H. đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị H. nhưng chị H. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phùng Văn Q. vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Lê Thị Mỹ H. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 20/02/2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường sau phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân. Tháng 5/2021 anh Q. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. thời gian đầu bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận xử cho anh Phùng Văn Q. được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.

- Về con chung: Anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. có 01 con chung là cháu Phùng Gia K, sinh ngày 10/9/2014. Quá trình giải quyết anh Q. có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét thấy, cháu Phùng Gia K là con chung của anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Từ ngày vợ chồng sống ly thân thì cháu K ở với anh Q. tại Thôn K, xã H, huyện S; quá trình giải quyết cháu K có nguyện vọng được ở với bố. Do chị H. hiện không có mặt ở địa phương, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu K và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Phùng Gia K, sinh ngày 10/9/2014 cho anh Phùng Văn Q. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82,

83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh Phùng Văn Q. và chị Lê Thị Mỹ H. không có, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Phùng Văn Q. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Văn Q. được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ H.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Gia K, sinh ngày 10/9/2014 cho anh Phùng Văn Q. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lê Thị Mỹ H. không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phùng Văn Q. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003858 ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Q. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TQ;*
- *VKSND huyện SD;*
- *Chi cục THADS huyện SD;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VT- HS.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Hồng Chiến